| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÁI NƯỚC**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 74/2019/DS-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019
*"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Kiệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Mầm

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Văn Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Mãy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2019/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Diệp Thị B (Diệp Thu B), sinh năm 1963 (Có mặt)

Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 08.8.2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Hồng H trình bày:* Vào ngày 14 tháng 01 năm 2017 âm lịch bà Diệp Thị B và ông Đoàn Văn N có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), vay theo hình thức trả góp, mỗi ngày góp 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), thời gian góp là 06 tháng tính từ ngày 14/01/2017 đến ngày 14/7/2017 âm lịch là hết. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận mỗi ngày góp 400.000 đồng x 180 ngày = 72.000.000 đồng. Tính đến ngày 16/4/2017 âm lịch bà B và ông N đã trả cho bà được 48 ngày x 400.000 đồng = 19.200.000 đồng. Sau đó bà B và ông N có trả cho bà thêm được số tiền 10.000.000 đồng. Bà B và ông N còn nợ lại bà số tiền 29.800.000 đồng.

Cũng trong ngày 14/01/2017 âm lịch bà B và ông N có vay thêm của bà số tiền 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay tiền là 60

ngày tính từ ngày 14/01/2017 đến ngày 14/3/2017 âm lịch, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Số tiền này bà B và ông N thỏa thuận 10 ngày sẽ trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nhưng bà B và ông N chỉ có trả cho bà được 02 lần với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Bà B và ông N còn nợ bà số tiền 519.000.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu đồng).

Tổng cộng hai phần tiền trên bà B và ông N còn nợ bà số tiền 539.800.000 đồng (Năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng). Bà đã nhiều lần đến yêu cầu bà B và ông N trả nợ nhưng bà B và ông N không thực hiện. Bà xác định tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà B, ông N trả số tiền 549.800.000 đồng là do nhầm lẫn. Nay bà yêu cầu bà B và ông N trả số tiền nợ là 539.800.000 đồng (Năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Các lời khai tại biên bản làm việc ghi nhận ý kiến bị đơn bà Diệp Thị B trình bày:* Bà thừa nhận trước đây bà có nhiều lần vay tiền trả góp của bà H, sau khi vay tiền thì bà có trả tiền cho bà H nhưng không đầy đủ. Bà thừa nhận hai biên nhận do bà H cung cấp đề ngày 14/1/2017 âl là do bà viết và ký tên nhưng bà không có vay tiền của bà H trong năm 2017, bà vay tiền của bà H từ năm 2009 đến năm 2016. Bà thừa nhận nay bà còn thiếu bà H số tiền hơn 400.000.000 đồng nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu vì chưa đối trừ các lần bà đã góp cho bà H. Số tiền vay 50.000.000 đồng ngoài số tiền đã góp bà có trả thêm cho bà H số tiền 13.000.000 đồng chứ không phải 10.000.000 đồng như bà H trình bày. Số tiền bà vay của bà H về là để phục vụ cho việc kinh doanh, làm ăn trong gia đình. Việc bà vay tiền của bà H thì ông N không biết nhưng sau khi bể nợ thì bà có nói cho ông N biết là bà có vay tiền của bà H đến nay chưa trả xong. Khi bà H đến nhà yêu cầu trả nợ thì có nhiều lần gặp ông N. Nay bà yêu cầu hai bên đối chiếu lại số tiền đã trả để chốt số nợ cụ thể còn bao nhiêu bà sẽ đồng ý trả cho bà H nhưng bà xin bà H phần tiền lãi, bà chỉ trả lại cho bà H số tiền vốn.

*Các lời khai tại biên bản làm việc ghi nhận ý kiến ông Đoàn Văn N trình bày:* Việc bà B là vợ ông vay tiền của bà Hoa số tiền tổng cộng là 575.000.000 đồng thì ông không biết nên không làm biên nhận nợ cho bà Hoa, sau đó bà Hoa đến thu tiền nợ thì ông mới biết. Ông đồng ý liên đới cùng với bà Bền trả cho bà Hoa số tiền đã vay nhưng không đồng ý trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà B và ông N biết về việc bà H yêu cầu trả số tiền vay là 549.800.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật nhưng ông N và bà B không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt cho ông N và bà B thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông N và bà B không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của bà H. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hòa giải giữa bà H và ông N, bà B được. Tòa án tiến hành triệu tập ông N và bà B để tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án xét xử vắng mặt ông N theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý

vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng H với ông Đoàn Văn N, bà Diệp Thị B từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn khi giao kết hợp đồng vay tài sản và tại thời điểm hiện tại đều có địa chỉ tại Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy đinh tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đoàn Văn N, bà Diệp Thị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hai phiên tòa sơ thẩm mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 09/10/2019 và 07 giờ 30 phút ngày 25/10/2019, mặc dù bị đơn ông Đoàn Văn N đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về thời hiệu khởi kiện: Hội đồng xét xử xét thấy theo lời khai của nguyên đơn Nguyễn Thanh Hoa thì thời điểm 14/01/2017 âm lịch. Theo bị đơn trình bày thì thời điểm vay bắt đầu từ năm 2009 kéo dài đến năm 2016. Tuy đương sự không thống nhất về thời điểm vay tiền tuy nhiên do các đương sự không có yêu cầu về thời hiệu đồng thời tại biên bản làm việc ngày 09/7/2019 đối với bị đơn bà Diệp Thị B, biên bản làm việc ngày 19/8/2019 đối với ông Đoàn Văn N thì bị đơn bà Diệp Thị B và ông Đoàn Văn N đều thống nhất thừa nhận một phần nghĩa vụ trả tiền đối với bà Nguyễn Hồng H. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được bắt đầu lại. Như vậy ngày 10 tháng 6 năm 2019 bà H khởi kiện đối với bà Diệp Thị B, ông Đoàn Văn N là vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung tranh chấp: Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2019 bà H yêu cầu ông N, bà B liên đới trả lại cho bà số tiền vay cụ thể vốn gốc là 549.800.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại các biên bản làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bà H xác định ông N, bà B còn thiếu bà số tiền vay vốn gốc là 561.800.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà H xác định hiện nay ông N, bà B còn thiếu bà số tiền vốn gốc là 539.800.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ theo hai biên nhận nhận do bà H cung cấp cụ thể: Biên nhận ngày 14/01/2017 âm lịch có viết tên Diệp Thu B, Đoàn Văn N thể hiện: *"Có mượn của Hồng Hoa số tiền 525.000.000 đồng"*, Biên nhận ngày 14/01/2017 âm lịch có viết tên Diệp Thu B, Đoàn Văn N thể hiện: *"Có hỏi Hồng Hoa 50.000.000 đồng (năm chục triệu đồng) góp ngày 400.000 đồng, góp 150 ngày hết"*. Tại các biên bản làm việc ngày 09/7/2019 của Tòa án

nhân dân huyện Cái Nước thì bà Diệp Thị B thừa nhận có vay của bà H số tiền như tại hai biên nhận nêu trên, chữ ký và chữ viết trong hai tờ biên nhận là của bà viết và ký tên. Đối với ông Đoàn Văn N tại biên bản làm việc ngày 19/8/2019 ông N xác định lúc bà B vợ ông vay tiền từ bà H thì ông không biết nhưng sau đó lúc bà H thu tiền thì ông biết được việc bà B vay tiền từ bà H. Đồng thời cả ông N và bà B đều thống nhất đồng ý liên đới có trách nhiệm trả nợ vốn cho bà H nhưng không đồng ý trả lãi với lý do đã trả lãi nhiều lần nhưng không xác định đã trả cho bà H bao nhiêu tiền và còn thiếu lại bao nhiêu tiền. Xét thấy, tại biên nhận nợ ngày 14/01/2017 âm lịch thể hiện bà B có hỏi của bà H số tiền 50.000.000 đồng, theo bà H trình bày bà B đã trả cho bà H tính đến ngày 16/4/2017 âm lịch là 29.200.000 đồng, còn nợ lại bà H số tiền 30.800.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà H xác định số tiền này hiện tại bà Nhu, ông Bền còn thiếu là 20.800.000 đồng do bà đối trừ nhầm. Đối với số tiền 525.000.000 đồng bà H xác định bà B đã trả cho bà tổng số tiền 6.000.000 đồng, hiện tại còn thiếu bà số tiền 519.000.000 đồng. Tổng cộng bà H xác định ông N, bà B còn thiếu bà số tiền 539.800.000 đồng, yêu cầu ông N, bà B có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nêu trên, không yêu cầu tính lãi. Đối với ông N, bà B xác định có nhận tiền từ bà H, tuy nhiên ông N, bà B xác định có trả nợ cho bà H nhiều lần nhưng không nhớ số tiền cụ thể đã trả. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B đều xác định còn thiếu bà H số tiền hơn 400.000.000 đồng nhưng không xác định chính xác số tiền còn thiếu là bao nhiêu. Tại đơn trình bày ý kiến không ghi ngày tháng do bà B nộp ngày 24/8/2019 thì bà xác định đã trả cho bà H nhiều lần, hiện tại còn thiếu số tiền 457.000.000 đồng nhưng không đưa ra được giấy tờ hay căn cứ chứng minh đã trả số tiền này như thế nào. Như vậy có cơ sở xác định thực tế bà B có nhận tiền từ bà H 02 lần với tổng số tiền là 575.000.000 đồng. Việc bà B xác định có trả tiền nhiều lần tuy nhiên bà B không đưa ra được bất cứ chứng cứ gì chứng minh, đối với bà H xác định đã trả cho bà H tổng số tiền 35.200.000 đồng, đây là sự tự nguyện thừa nhận của bà H nên cần được chấp nhận. Như vậy việc bà Nhu có nhận tiền từ bà H tổng số tiền 575.000.000 đồng, đã trả tổng cộng 35.200.000 đồng, còn thiếu lại số tiền tổng cộng 539.800.000 là thực tế có xảy ra và cho đến nay vẫn không trả là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 274 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của Hoa đối với ông N, bà B là phù hợp theo quy định của pháp luật.Tại phiên tòa bà H xác định chỉ yêu cầu ông N, bà B trả lại số tiền 539.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái với quy định của pháp luật do đó được chấp nhận.

Đối với việc bà Hoa yêu cầu Tòa án buộc ông N có trách nhiệm liên đới với bà B trả nợ cho bà. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà Bền trực tiếp vay tiền của bà Hoa và làm biên nhận nợ nhưng việc vay tiền của Hoa sử dụng phát triển kinh tế chung tạo thu nhập cho gia đình và khi vay tiền của bà Hoa thì bà Bền và ông N là vợ chồng. Đồng thời ông N cũng đồng ý có nghĩa vụ liên đới với bà Bền trong việc trả nợ cho bà Hoa. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà B và ông N có trách nhiệm liên đới trả tiền vay cho bà H.

Từ những cơ sở như đã phân tích nêu trên kết hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng H là có cơ sở chấp nhận.

*Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Ông N, bà Bền phải chịu án phí mỗi người là 12.796.000 đồng. Tuy nhiên ông N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí do đó Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí đối với ông N. Đối với bà B có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có đơn xin miễn giảm án phí được xác nhận của chính quyền địa phương do đó Hội đồng xét xử miễn 50% án phí đối với bà B, buộc bà B phải chịu án phí số tiền là 6.398.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166, 185, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng H đối với ông Đoàn Văn N và bà Diệp Thị B.

Buộc ông Đoàn Văn N và bà Diệp Thị B phải liên đới trả cho bà Nguyễn Hồng H số tiền 539.800.000 đồng (Năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Hồng H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đoàn Văn N và bà Diệp Thị B không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Đoàn Văn N và bà Diệp Thị B phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Diệp Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.398.000 đồng (Sáu triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với ông Đoàn Văn N. Bà Nguyễn Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Hồng H có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 12.996.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004495 ngày 10 – 6 – 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Hồng H, bà Diệp Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đoàn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Kiệt**